TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 245/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 723/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10/7/2019 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/8/2019 và Quyết Định hoãn phiên tòa số 161/2019/QĐ.DS ngày 11/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1955, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1950, (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn D có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hỏi năm 1986, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh nâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà và ông D ly thân từ năm 1987 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh năm 1987 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định, tài sản chung bà và ông D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông D không có nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn D được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông D không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án.

Bà H, bà có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn D cưới nhau vào năm 1986, không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của Bà H và ông D vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 1987 cho đến nay là do ông D không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Đối với ông D ông vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà H và ông D không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ. Mặt khác, theo lời trình bày của bà H bà và ông D đã ly thân từ năm 1988 cho đến nay, nay bà H có nhu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông D là vợ chồng.

[3] Về quyền nuôi con chung: Bà H cho rằng bà và ông D chung sống nhau có 01 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh năm 1988 đã trưởng thành bà H không yêu cầu về nuôi dưỡng và chăm sóc con chung nên Hội đồng xet xử không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà H xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của b H và ông D.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H đối với ông Nguyễn Văn D.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

Bà và ông Nguyễn Tấn Tài có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hỏi năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 01/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình nghĩa vụ chồng rạng nứt, khó hàn gắn, từ đó bà và ông Tài ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn Tài.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Chúc, sinh ngày 04/11/2016 và Nguyễn Ngọc Đặng Tiền, sinh ngày 10/3/2018. Hiện nay 02 con chung bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu ông Tài có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Bà Tràng xác định, tài sản chung bà và ông Tài không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn Tài được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tài không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tràng. Ông Tài cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà Tràng, có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tấn Tài đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tràng và ông Nguyễn Tấn Tài cưới nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/8/2016 (số 70/2016) nên quan hệ hôn nhân của bà Tràng và ông Tài được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà Tràng cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông Tài không quan tâm chăm sóc gia đình, dẫn đến bất đồng quan điểm nên ly thân. Ông Tài được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà Tràng yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông Tài không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa bà Tràng xác định không còn tình cảm với ông Tài và cương quyết ly hôn. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tràng đối với ông Nguyễn Tấn Tài.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà Tràng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng Chúc, sinh ngày 04/11/2016 và Nguyễn Đặng Ngọc Tiền, sinh ngày 10/3/2018 không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con.

Về việc nuôi con ông Tài không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà Tràng hiện đang nuôi cháu Hồng Chúc và cháu Đặng Tiền khỏe mạnh và phát triển bình thường cháu. Mặt khác, cháu Chúc và cháu Tiền dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử giao cháu Chúc và cháu Tiền cho bà Nguyễn Thị Tràng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tiền xác định bà và ông Tài không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tài không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà Tràng và ông Tài.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tràng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tràng đối với ông Nguyễn Tấn Tài.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tràng được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Tài.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Tràng được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng Chúc, sinh ngày 04/11/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Đặng Tiền, sinh ngày 10/3/2018. Ông Nguyễn Tấn Tài không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tràng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003226 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Hòa Khánh Đông
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài